

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 698/2020/HC-PT

Ngày: 24/7/2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính và bồi
thường thiệt hại trong lĩnh vực
quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Vương
Bà Đỗ Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành
chính thụ lý số 22/2020/TLPT- HC ngày 24/02/2020 về việc “Khiếu kiện quyết
định hành chính, hành vi hành chính và bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực quản
lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 20/11/2019 của
Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2950/2020/QĐXXPT-HC ngày
09/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6643/2020/QĐ-PT ngày 30/6/2020,
giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Tạm trú: số 768A H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của người khởi kiện: Luật sư Đồng Hữu P – thuộc đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 162 đường M, khu phố 3, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phan Thanh P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; tạm trú số 768A H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vân: Bà Nguyễn Thị S.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 01/4/2019 tại Văn phòng Công chứng B.

2. Ông Lê Văn P, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Tạm trú số 768A H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị S.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 01/4/2019 tại Văn phòng Công chứng B.

3. Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1981

Địa chỉ: 182/126 đường C, khu phố 8, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị S.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 09/4/2019 tại Văn phòng Công chứng B.

4. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1960

Địa chỉ: số 740 H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Huỳnh Thị C

Địa chỉ: số 758/2 H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1968

Địa chỉ: 758/4 đường H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Anh Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1974

Địa chỉ: 34/2 Tây Lân, khu phố 7, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1979

Địa chỉ: 758/4 đường H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 31/32 đường Dương Tự Quán, phường An Lạc A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1973

Địa chỉ: 764 đường H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Chị Huỳnh Thanh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: 764 đường H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Tăng Thị Thu, sinh năm 1972

Địa chỉ: 758/4 đường H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Chị Huỳnh Thị Mỹ C, sinh năm 1983

Địa chỉ: 758/4 đường H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 730/1D H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1996

Địa chỉ: 758/4 đường H, khu phố 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Chị Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: tổ 3, ấp Long Bình, xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S - người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại người khởi kiện bà Nguyễn Thị S trình bày: Vào tháng 08/1999 bà có nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất chiều ngang 5m, chiều dài tới mí ao (diện tích 24m) của vợ chồng ông Huỳnh Văn V và bà Lê Thị H với số tiền chuyển nhượng là 07 chỉ vàng 24k. Đến ngày 07/12/2001, bà tiếp tục nhận chuyển nhượng một phần đất vị trí từ mí trụ điện trở lên giáp miếng đất mà bà đã mua vào 8/1999 chiều ngang 5m, chiều dài 24m, số tiền chuyển nhượng là 6.000.000đ, bà đã giao tiền đầy đủ và cũng đã nhận đất từ vợ chồng ông Vững. Tổng diện tích đất 02 lần bà nhận chuyển nhượng khoảng 240 m². Trong 02 lần bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông V, bà H có viết giấy tay sang nhượng đất và được sự đồng ý của các người con của ông V, bà H cùng ký tên.

Về nguồn gốc phần đất: Vào năm 1968 gia đình ông Huỳnh Văn V vì con đông không có đất nên được Nhà nước giao để khai khẩn đất hoang (đất công điền), diện tích khai khẩn khoảng 1.000m², gia đình ông V đã quản lý sử dụng từ năm 1968. Ngày 30/03/1992, Ủy Ban nhân dân xã B, huyện B (nay là phường B, quận B) có Thông báo số 11/TB-UB về việc thu hồi một phần đất công điền thuộc thửa đất số 1120, tờ bản đồ số 1 do Nhà nước quản lý với diện tích 200m² để giao lại cho ông Tống Bá T là thương binh loại ¼ làm nhà ở, diện tích đất còn lại 790m².

Ngày 25/04/1992, ông Vững đã có đơn xin sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại và ý kiến của Chủ tịch Ủy ban xã “Thuận đơn xin sử dụng đất của ông Huỳnh Văn V, diện tích 790m² phần đất công điền” trong cùng ngày. Trong quá trình quản lý sử dụng phần diện tích 790m² đất trên thì vợ chồng ông V đã chuyển nhượng cho nhiều người (trong đó có bà), những người này đã xây dựng nhà ở ổn định, không có ai tranh chấp và một số người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2002, bà S cất căn nhà trên phần diện tích đất nhận chuyển nhượng vào năm 1999, nhà có địa chỉ số 768A đường H, phường B, quận B, phần đất bà nhận chuyển nhượng vào năm 2001 thì vẫn còn để trống. Đến tháng 05/2007 do căn nhà xuống cấp trầm trọng nên bà đã sửa chữa xây dựng lại nhà kiên cố hơn, có diện tích chiều ngang 3,8m; chiều dài khoảng 12m, kết cấu 01 trệt và gác lửng, do xây dựng không phép nên Ủy ban phường Bình Trị Đông A đã ban hành Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 10/06/2007 về xử phạt vi phạm hành chính hành vi sửa chữa nhà không phép, số tiền phạt là 150.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà phải tiến hành xin phép xây dựng căn nhà theo quy định. Việc xử phạt này bà đã chấp hành xong và sinh sống ổn định cho đến nay.

Năm 2007, do kinh tế gia đình quá khó khăn, nên bà có cất tạm căn chòi trên phần đất còn để trống bà mua năm 2001 cạnh nhà số 768A đường H, phường B, quận B để buôn bán nước giải khát và hàng ăn, nhưng đến năm 2010 thì Ủy ban phường B yêu cầu bà phải tháo dỡ căn chòi tạm này, bà đồng ý tháo dỡ với điều kiện là phải có chính sách hỗ trợ cho bà, nhưng Ủy ban nhân dân phường không giải quyết.

Ngày 29/09/2011, Ủy ban phường B ban hành kế hoạch số 131/KH-UBND tổ chức rào chắn phần đất công tại thửa 65-71 tờ bản đồ số 44 (TL 2005) do bà đang sử dụng.

Ngày 17/09/2018, Ủy ban nhân dân phường B, quận B ban hành Thông báo số 2547/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà S vì không đủ điều kiện.

Năm 2016, bà có đặt 02 thùng container để chứa hàng buôn bán gồm trứng gà, trứng vịt và các đồ gia dụng khác tại vị trí thửa đất số 65-71 (phần đất trống) và có dựng mái che bằng khung sắt, cây, vách nhựa, lưới B40 mái bạt để buôn bán cơm và các hàng ăn khác để kiếm sống qua ngày nhưng bị Ủy ban nhân dân phường B, quận B ban hành Thông báo số 120/TB-UBND buộc bà phải di dời 02 container ra khỏi phần đất tại thửa đất trên và cho rằng bà lấn chiếm đất công do Nhà nước quản lý.

Ngày 06/05/2017, bà có đơn khiếu nại gửi đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận B xem xét giải quyết việc Ủy ban nhân dân phường B có kế hoạch rào chắn khu đất và buộc bà phải di dời 02 container ra khỏi khu đất của bà.

Ngày 17/05/2017, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận B có Công văn số 1100/VP-TCD: Giao Chủ tịch Ủy ban phường B báo cáo rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng của khu đất bà Nguyễn Thị S phản ánh.

Ngày 04/07/2017, Ủy ban nhân dân phường B có văn bản báo cáo số 602/UBND cho Ủy ban nhân dân quận B theo Công văn số 1100/VP-TCD, theo đó Ủy ban nhân dân phường B cũng xác nhận khu đất của bà được nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Văn V và quá trình bà sử dụng có xây cất nhà và bị xử phạt do không có phép xây dựng mà không hề đề cập khu đất này có phải do bà lấn chiếm hay không.

Ngày 14/03/2018, Ủy ban phường B lập biên bản vi phạm hành chính với hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa được quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Ngày 16/03/2018, bà nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 907/QĐ-XPVPHC.

Ngày 02/04/2018, bà nhận Quyết định cưỡng chế số 1096/QĐCC về thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/03/2018.

Ngày 20/08/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định số 2295/QĐ-ĐCQĐ về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 19/09/2018, bà đã có đơn khiếu nại Quyết định số 907/UBND ngày 16/03/2018 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 1096/QĐCC ngày 02/04/2018 của UBND phường Bình.

Ngày 27/10/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định số 2905/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà.

Ngày 29/11/2018, Ủy ban nhân dân phường B đã ban hành Thông báo số 3233/TB-UBND về việc thực hiện Quyết định số 1096/QĐCC ngày 02/04/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/03/2018 với thời gian thực hiện cưỡng chế vào lúc 08h30 ngày 12/12/2018. Đến ngày 12/12/2018, đoàn cưỡng chế của Ủy ban nhân dân phường B đến khu đất trống tiến hành lập biên bản thống kê tài sản trên thửa đất số 65-71 tờ bản đồ số 44 (TL2005) của bà (do trước đó bà đã tự nguyện di dời và tháo dỡ các khung sắt trước khi đoàn cưỡng chế đến). Sau khi tiến hành lập biên bản thống kê tài sản của bà thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đã chỉ đạo đoàn cưỡng chế rào chắn lại khu đất bằng cách xây tường bao bằng bê tông cốt thép, lưới xung quanh khu đất trống.

Bà nhận thấy, các Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/03/2018 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B về xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 1096/QĐCC ngày 02/04/2018 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân phường B về Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 2295/QĐ-ĐCQĐ ngày 20/08/2018 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân phường B về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B đã chỉ đạo rào chắn khu đất của bà là trái với

quy định pháp luật, không đúng quy định của Nhà nước đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, bởi các lẽ sau:

Thứ nhất: Nguồn gốc đất là do bà đã nhận chuyển nhượng từ năm 1999 và năm 2001 của vợ chồng ông V không có ai tranh chấp, gia đình bà đã quản lý sử dụng từ năm 1999 cho đến nay có một phần tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, diện tích chiều ngang 3,8m; dài 12m (cũng nằm trong thửa đất 65-71, tờ bản đồ 44 (TL2005) với tổng diện tích đất là 220,5m², diện tích này bà cũng đã nộp thuế cho cơ quan thuế từ năm 2012 đến nay. Vào tháng 03/2007 Ủy ban nhân dân phường có yêu cầu bà đến Ủy ban nhân dân phường làm thủ tục kê khai toàn bộ diện tích đất mà bà đã mua và bà đã nộp thuế đất hàng năm đầy đủ. Hơn nữa, toàn bộ khu đất 790m² do ông Huỳnh Văn V đã khai hoang và quản lý sử dụng từ năm 1968 đến khi chuyển nhượng lại cho bà và những người khác sử dụng ổn định, Ủy ban nhân dân phường B cho rằng khu đất này là đất công do phường quản lý và thu hồi đất của bà vì cho rằng bà có hành vi lấn chiếm đất công là không có cơ sở.

Thứ hai: Ủy ban nhân dân phường B đã căn cứ vào khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 xử phạt bà với hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa là không có cơ sở, vì khu đất của bà là Đất Mới thuộc loại đất ở đô thị thể hiện thông qua các Thông báo nộp thuế đất hàng năm thì khu đất của bà phải chịu với mức thuế đất hàng năm là 3.100.000đ/m², diện tích chịu thuế là 220,5m² (hạn mức 200m²), thuế phải nộp là 1.025.325 đồng/năm.

Thứ ba: Ủy ban nhân dân phường lập biên bản vi phạm hành chính ngày 14/03/2018, ngày 16/03/2018 Phó chủ tịch là ông Hồ Văn C đã ký Quyết định số 907/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính là trái với quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 “1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính...”.

Thứ tư: Sau khi bà nhận biên bản vi phạm hành chính ngày 14/03/2018, ngày 17/03/2018, bà có làm đơn giải trình gửi Ủy ban nhân dân phường nhưng không được thụ lý vì căn cứ vào khoản 1 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính với lý do: “bà không thuộc trường hợp phải giải trình”. Ủy ban nhân dân phường không căn cứ vào khoản 2 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính là không đúng trình tự quy định pháp luật.

Thứ năm: Vào ngày 30/10/2018, bà mới nhận Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của Ủy ban nhân dân phường B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), bà vẫn chưa khiếu nại lần 2 đến cơ quan cấp có thẩm quyền

là Ủy ban nhân dân quận B, thì đến ngày 29/11/2018, Ủy ban nhân dân phường B ban hành thông báo số 3233/TB-UBND về thực hiện việc cưỡng chế theo Quyết định số 1096/QĐ-CC ngày 02/04/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là không đúng quy định pháp luật được quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011 về thời hạn khiếu nại.

Thứ S: Sau khi buộc bà phải di dời 02 container và các khung sắt trên thửa đất số 65-71, tờ bản đồ số 44 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường lại chỉ đạo rào chắn khu đất lại (chưa có quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền) là hành vi trái với quy định của pháp luật và mâu thuẫn với nội dung tại Thông báo số 2547/TB-UBND ngày 17/09/2018 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà, tại mục 2 có ghi “Ủy ban nhân dân phường B và các cấp thẩm quyền không có chủ trương thu hồi đất tại thửa 65-71, tờ bản đồ số 44 (TL2005) mà Ủy ban nhân dân phường chỉ xử lý vi phạm trong lĩnh vực trật tự xây dựng (xây dựng không phép) của bà Nguyễn Thị S.

Nay bà yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định:

- Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân phường B về việc giải quyết khiếu nại;
- Quyết định số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/03/2018 của Phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân phường B về xử phạt vi phạm hành chính;
- Quyết định số 1096/QĐCC ngày 02/04/2018 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân phường B về Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- Quyết định số 2295/QĐ-ĐCQĐ ngày 20/08/2018 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân phường B về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B phải chỉ đạo tháo dỡ, đập bỏ hàng rào bằng bê tông cốt thép xây dựng rào chắn khu đất thuộc thửa 65-71, tờ bản đồ số 44 (TL2005) đường H, phường B, quận B do hành vi hành chính trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B gây ra cho bà.

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B phải bồi thường thiệt hại cho bà vì đã có hành vi ban hành các quyết định trái pháp luật buộc bà phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và xây dựng hàng rào bằng bê tông cốt thép, lưới B40 bao quanh khu đất của bà đã gây tổn hại sức khỏe, tinh thần và thiệt hại đến việc mua bán hàng ngày của bà, tạm tính đến tháng 10/2019 số tiền yêu cầu bồi thường là 308.118.000đ (Ba trăm lẻ tám triệu một trăm mười tám nghìn đồng).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Phan Thanh P là đại diện theo ủy quyền có ý như sau:

Phần diện tích đất do bà Nguyễn Thị S vi phạm hành chính thuộc thửa 90, 91, 92 tờ bản đồ số 4 (TL 02/CT-UB) do Ủy ban nhân dân xã B (nay là phường B) kê khai, đăng ký. Bà Nguyễn Thị S lấn chiếm phần diện tích đất trên để sử dụng vào mục đích cá nhân là vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Nghị định 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 907/QĐXPVPHC ngày 16/3/2018, Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1096/QĐCC ngày 02/4/2018 là đúng theo Luật xử lý vi phạm hành chính và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 2905/QĐ-UB ngày 27/10/2018 đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị S đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định theo luật khiếu nại.

Việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân B phải chỉ đạo tháo dỡ hàng rào bê tông cốt thép xung quanh khu đất: căn cứ vào nguồn gốc đất đai do Ủy ban nhân dân xã B đăng ký, quản lý, năm 2011 Ủy ban nhân dân phường đã đưa khu đất vào sử dụng với mục đích làm trạm trung chuyển rác và xây dựng hàng rào cột sắt, lưới sắt và đã bị phá hư hỏng. Sau khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bà S không tự nguyện chấp hành. Ngày 12/12/2018, Ủy ban phường tổ chức cưỡng chế và cho xây dựng hàng rào xung quanh dài 53m, cao 2,2m + lưới B40 cao 1,2m xung quanh khu đất trên. Do đó, việc Ủy ban phường B cho xây dựng lại hàng rào xung quanh khu đất để đưa khu đất vào sử dụng với mục đích công cộng là phù H. Nay bà Nguyễn Thị S lấn chiếm và để các vật dụng trên khu đất trên sau khi Ủy ban phường đã cưỡng chế di dời các công trình lấn chiếm của bà S vào tháng 12/2018 là hành vi tái vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Vì vậy, việc bà yêu cầu phải tháo dỡ tường rào xung quanh thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B không đồng ý.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà S: do bà S lấn chiếm đất công và bị xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, do đó yêu cầu bồi thường của bà S cũng không có cơ sở.

Về diện tích chịu thuế đối với căn nhà 768A: Năm 2012, Ủy ban nhân dân phường tiến hành kê khai thuế đất phi nông nghiệp nên có yêu cầu các hộ dân kê khai diện tích chịu thuế đất phi nông nghiệp, bà S tự ý kê khai luôn phần đất công điền do bà lấn chiếm. Ủy ban phường xác nhận trên tờ khai thuế năm 2012 là có sai sót về diện tích chịu thuế đối với căn nhà 768A, vì năm 2011 Ủy ban nhân dân phường đã tổ chức rào chắn di dời những trường H lấn chiếm để trả lại đất công. Phần xử phạt đối với bà S tại một phần thửa số 65,71 tờ bản đồ số 44

là Ủy ban nhân dân phường xử phạt đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa theo khoản 1 Điều 10 Nghị định 102 còn diện tích chịu thuế đối với căn nhà 768A là đất phi nông nghiệp.

Theo kế hoạch 245/KH-UBND ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quy định về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước theo quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn quận B (đính kèm danh sách nhà, đất được ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án rà soát nguồn gốc pháp lý để xử lý theo luật đất đai) xác định diện tích căn nhà 768A chỉ có 54,7m². Trước đây, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn 6205/UBND-TM ngày 29/11/2012 có phương án sử dụng phần đất công thuộc một phần thửa đất 65, 71, tờ bản đồ 44 (TL 2005) tọa lạc tại đường H, phường B, quận B để xây dựng cửa hàng bình ổn thị trường phục vụ nhân dân tại địa phương, nhưng sau đó do diện tích không đủ sử dụng nên không thể thực hiện dự án. Đối với bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 24/12/2018 do Ủy ban phường cung cấp thì diện tích đối với phần đất công điền ghi trên bản vẽ tạm tính là 560,4m², đây là diện tích Ủy ban phường chỉ xin Ủy ban nhân dân quận sử dụng, mục đích làm công viên, lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao trên khu đất công theo công văn số 459/UBND ngày 26/02/2019; Ủy ban nhân dân quận B cũng có công văn số 300/VP-TMTH ngày 06/3/2019 để xem xét về vấn đề này, diện tích thực của các thửa đất số 65 là 698,1m², thửa đất số 71 là 404,4m², thửa đất số 70 là 9,1m². Hiện có một số hộ dân đã xây cất nhà và đang sinh sống, Ủy ban nhân dân quận đang lập danh sách thống kê xem xét từng trường H để xử lý theo quy định của Luật đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Văn P, bà Lê Thị Hồng V, bà Lê Thị Tuyết H do bà Nguyễn Thị S đại diện theo ủy quyền trình bày như sau: Thống nhất ý kiến bà Nguyễn Thị S và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B, anh Huỳnh Ngọc A, chị Huỳnh Thị Thu T, bà Tăng Thị T, chị Huỳnh Thị Mỹ C, ông Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Văn Đ, chị Huỳnh Thanh T và chị Huỳnh Ngọc Đ được triệu tập H lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim O trình bày: Bà là vợ H pháp của ông Huỳnh Văn K, bà và ông K kết hôn 1995, ông Huỳnh Văn K chết 2002. Ông K là con của ông V, bà H, việc ông K và bà H chuyển nhượng một phần thửa đất ngày 07/12/2001 tọa lạc tại H, phường B, quận B theo lời bà Nguyễn Thị S trình bày thì bà không biết rõ. Vụ việc tranh chấp giữa bà S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, quận B không liên quan đến bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2019 và ngày 29/6/2020, người khởi kiện bà S có đơn kháng cáo gửi đến Tòa, theo nội dung đơn Bà S kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện bà S trình bày:

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, hủy Quyết định số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/3/2018, Quyết định số 1096/QĐCC ngày 02/4/2018, Quyết định số 2295/QĐ-ĐCQĐ ngày 20/8/2018 và Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B phải chỉ đạo tháo dỡ, đập bỏ hàng rào bằng bê tông cốt thép xây dựng rào chắn khu đất thuộc một phần thửa 65, 70, 71 tờ bản đồ số 44 (TL2005) đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B bồi thường thiệt hại số tiền là 308.118.000 đồng.

* Đại diện người bị kiện trình bày: Phần đất thuộc thửa đất số 65, 71 tờ bản đồ số 44 (TL 2005) là đất công do Ủy ban nhân dân phường B quản lý, hiện trạng đất trống; năm 2010, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5520/QĐ-UBND ngày 28/4/2010 về việc phê duyệt thiết kế dự toán công trình tráng bê tông diềm hẻm rác phường B, quận B, kèm họa đồ vị trí công trình thể hiện hiện trạng đất trống; tại Văn bản số 6205/UBND-TM ngày 29/11/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận chủ trương cho Liên hiệp H tác xã Thương mại Thành phố sử dụng khu đất này để đầu tư xây dựng cửa hàng bán hàng bình ổn thị trường; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận B có Công văn số 300/VP-TMTH ngày 06/3/2019 về đầu tư, xây dựng công viên thể dục thể thao trên phần đất công do Ủy ban nhân dân phường quản lý, như vậy phần đất này từ trước đến nay do Ủy ban nhân dân phường B quản lý, bà Nguyễn Thị S nhiều lần có hành vi lấn chiếm đất công là vi phạm quy định của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành các quyết định hành chính là đúng quy định, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của người khởi kiện - Luật sư Đồng Hữu P trình bày:

Đề nghị: chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Tòa khi thẩm lý về vụ án đã thụ lý vụ án theo thẩm quyền của pháp luật, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hình sự. Tòa chấp hành pháp luật cho đến tận cuối cùng khi nghị quyết, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành xét xử theo quy định của Luật Tố tụng hình sự; các quy định trong pháp luật về chấp hành pháp luật và quy định về nghĩa vụ của thẩm phán.

- Yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà S về yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, hủy Quyết định số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/3/2018, Quyết định số 1096/QĐCC ngày 02/4/2018, Quyết định số 2295/QĐ-ĐCQĐ ngày 20/8/2018 và Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B phải chỉ đạo tháo dỡ, đập bỏ hàng rào bằng bê tông cốt thép xây dựng rào chắn khu đất thuộc một phần thửa 65, 70, 71 tờ bản đồ số 44 (TL2005) đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B bồi thường thiệt hại số tiền là 308.118.000 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị B, chị Huỳnh Thị Thu T, bà Tăng Thị Thu, chị Huỳnh Thị Mỹ C, ông Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Văn Đ, chị Huỳnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập H lệ lần thứ hai nhưng các ông, bà vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 225 của Luật tố hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Ngọc A và chị Huỳnh Ngọc Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 4 Điều 225 của Luật tố hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

Đơn yêu cầu kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định nên H lệ.

Về nội dung kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị S kháng cáo yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận B.

Về yêu cầu kháng cáo của bà S:

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 38, Điều 54, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ, ông Hồ Văn Công - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, quận B ban hành Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 theo Quyết định giao quyền số 293/QĐ-GQXP ngày 26/8/2016 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, quận B ban hành Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định xử phạt số 907/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 và Quyết định cưỡng chế số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 và Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B. Căn cứ Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011, khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, quận B ban hành các Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 và Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục lập biên bản và thời hạn ban hành Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 16/3/2018. Ngày 14/3/2018, Ủy ban nhân dân phường B tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, tại thời điểm lập biên bản có mặt bà Nguyễn Thị S nhưng bà S không đồng ý ký tên vào biên bản vi phạm hành chính. Ngày 16/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 đối với bà Nguyễn Thị S. Khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Vì trường H vi phạm của bà S không thuộc trường H cần phải giải trình nên mới ban hành quyết định xử phạt, do đó, trình tự, thủ tục và thời hạn ban hành quyết định nói trên là đúng quy định.

Về thời hiệu ban hành Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 16/3/2018, xét thấy, căn cứ Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trong vụ án này Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B căn cứ Biên bản vi phạm hành chính ngày 14/3/2018 để ban hành

quyết định xử phạt vào ngày 16/3/2018 đối với bà Nguyễn Thị S là còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do bà S không tự giác chấp hành đầy đủ biện pháp khắc phục hậu quả, nên ngày 02/4/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định cưỡng chế số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 đối với bà Nguyễn Thị S là phù H trình tự thủ tục quy định tại Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B. Do bà S không đồng ý nên khiếu nại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/3/2018 và Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 là đúng trình tự, thủ tục ban hành được quy định tại Điều 27, Điều 28 và Điều 29 của Luật Khiếu nại 2011.

Về nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/3/2018:

Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/3/2018 đã xử phạt hành chính đối với bà Nguyễn Thị S như sau: Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 2.000.000 đồng; Hình thức phạt bổ sung: Không; Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà Nguyễn Thị S phải di dời 02 thùng container, 01 khung sắt, mái bạt, 01 khung sắt mái bạt kéo và khung sắt + cây, vách nhựa, lưới B40 – mái bạt + tole đặt dựng lấn chiếm đất phi nông nghiệp diện tích là 85,5m² tại thửa đất 65, 71, tờ bản đồ số 44 (TL 2005) đường H, khu phố 10, phường B, trả lại tình trạng đất ban đầu, buộc bà S phải thực hiện di dời trong thời hạn 10 ngày, theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Về hình thức phạt tiền:

Xét thấy theo nội dung của quyết định nói trên, bà Nguyễn Thị S có hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, cụ thể đặt 02 thùng container, dựng 01 khung sắt, mái bạt, 01 khung sắt mái bạt kéo và khung sắt + cây, vách nhựa, lưới B40 – mái bạt + tole có diện tích là 85,5m². Nơi vi phạm tại thửa đất số 65, 71 tờ bản đồ số 44 (TL 2005) đường H, phường B, quận B. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S cũng thừa nhận có thực hiện hành vi nêu trên. Căn cứ Khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP Chủ tịch Ủy ban nhân dân

phường B, quận B ban hành quyết định xử phạt hành chính với hình thức xử phạt chính là phạt tiền là 2.000.000 đồng là đúng quy định.

- Về biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ:

Nguồn gốc phần đất bà Nguyễn Thị S bị xử phạt vi phạm hành chính có diện tích 85,5m², theo tài liệu Chỉ thị 299/TTg một phần thửa đất số 1119, 1120, tờ bản đồ số 1, xã B, huyện B; theo tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB một phần thửa đất số 90, 91, tờ bản đồ số 4, xã B, huyện B và theo tài liệu bản đồ địa chính (pháp lý 2005) một phần thửa đất số 65, 70, 71, tờ bản đồ số 44, phường B, quận B; phần diện tích bà S đặt container và các đồ vật dụng khác để buôn bán là phần đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã B đăng ký, quản lý; theo Thông báo ngày 30/3/1992 của Ủy ban nhân dân xã B (nay là phường B) và đơn xin cấp đất của ông Huỳnh Văn V lập ngày 25/4/1992 của ông V có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B đều ghi rõ là phần đất diện tích 790m² thuộc thửa 1120, tờ bản đồ số 1, xã B là đất công do nhà nước đăng ký, quản lý, trước đây Ủy ban nhân dân xã tạm giao cho ông Huỳnh Văn V sử dụng. Đồng thời, Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A cũng có kế hoạch quản lý phần đất công này từ năm 2010 đến nay, cụ thể tại Quyết định số 5520/QĐ-UBND ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân về việc phê duyệt thiết kế dự toán công trình tráng bê tông điếm hén rác phường B, quận B; tại Văn bản số 6205/UBND-TM ngày 29/11/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận chủ trương cho Liên hiệp H tác xã Thương mại Thành phố sử dụng khu đất này để đầu tư xây dựng cửa hàng bán hàng bình ổn thị trường; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận B có Công văn số 300/VP-TMTH ngày 06/3/2019 về đầu tư, xây dựng công viên thể dục thể thao trên phần đất công do Ủy ban nhân dân phường quản lý. Từ những căn cứ trên cho thấy phần đất bà S nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Văn V là đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước nên hành vi của bà S đã đặt container và các vật dụng khác để mua bán là hành vi sai pháp luật. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B xử lý hành chính theo quy định đối với hành vi lấn chiếm đất của bà S là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà S buộc Chủ tịch Ủy ban phường B, quận B phải chỉ đạo tháo dỡ, đập bỏ hàng rào bằng bê tông cốt thép dựng rào chắn khu đất thuộc một phần thửa 65-71, tờ bản đồ số 44 (TL2005) đường Hương lộ 2, phường B do hành vi hành chính trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban phường B. Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân xã B đăng ký, quản lý. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban phường B xây dựng lại hàng rào xung quanh khu đất để đưa khu đất vào sử dụng với mục đích công cộng là phù hợp. Vì vậy, việc bà S yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch Ủy ban phường B phải chỉ đạo tháo dỡ, đập bỏ hàng rào bằng bê tông cốt thép xây dựng rào chắn khu đất

thuộc một phần thửa 65-71, tờ bản đồ số 44 (TL2005) đường H, phường B là không có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định trên xét thấy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 907/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018:

Sau khi hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng bà S không chấp hành, đồng thời do bà S là người buôn bán tự do, không làm việc ổn định tại các cơ quan, tổ chức, xí nghiệp nên theo quy định tại Điều 86, Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 18 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B tiếp tục ban hành Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù H.

Theo Công văn số 19110/CCT-KK-KTT&TH ngày 17/9/2019 của Chi cục thuế quận B xác nhận như sau: theo tờ khai thuế lập ngày 04/3/2012 của bà S có xác nhận thực tế của Ủy ban nhân dân phường B trên tờ khai thuế SĐDPNN chuyển cho Chi cục thuế lập bộ, diện tích chịu thuế của căn nhà tọa lạc tại số 768A đường H, phường B, quận B là 220,5m²; loại đất thu thuế là đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo quy định (là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở). Ngoài thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm đối với căn nhà trên, Chi cục thuế quận B không thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với diện tích nhà đất nào khác của bà S. Tuy nhiên, theo Bản kế hoạch 245/KH-UBND ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân quận B, quy định về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước theo quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn quận B xác định diện tích căn nhà 768A H, phường B, quận B chỉ có 54,7m².

Phía bà S cho biết diện tích thực tế của căn nhà số 768A đường H, phường B, quận B mà bà đang sử dụng là khoảng 62m²; còn phần diện tích 220,5m² bà khai trong tờ khai thuế năm 2012 là bao gồm phần đất bà đặt container và các vật dụng khác để mua bán.

Phía người bị kiện cũng thừa nhận, việc Ủy ban nhân dân phường B, quận B xác nhận trên tờ khai thuế năm 2012 cho bà S diện tích 220,5m² về diện tích chịu thuế của căn nhà 768A là có sai sót. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi, bà S có quyền liên hệ với cơ quan thuế để điều chỉnh phù H về diện tích chịu thuế và giải quyết về số tiền đã nộp thuế từ trước đến nay đối với căn nhà 768A đường

H, phường B, quận B. Trường H không được giải quyết bà có quyền khởi kiện một vụ án khác.

Về nội dung Quyết định số 2295/QĐ-ĐCQĐ ngày 20/08/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 907/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 và Quyết định cưỡng chế số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 6a Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 được sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 81/2013/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định số 2295/QĐ-ĐCQĐ ngày 20/08/2018 là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân phường B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị S. Xét do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 907/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 và Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1095/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B là đúng quy định nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, không công nhận các nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị S là có cơ sở.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 308.118.000đ (ba trăm lẻ tám triệu một trăm mười tám nghìn đồng) của bà S thì Hội đồng xét xử thấy rằng, việc ban hành các quyết định hành chính và hành vi hành chính về việc chỉ đạo rào chắn khu đất trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B là có căn cứ pháp lý, xử lý đúng người, đúng hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý đất đai. Do bà Nguyễn Thị S không cung cấp tài liệu gì chứng minh cho thiệt hại này. Trong phạm vi cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, không gây thiệt hại cho bà Nguyễn Thị S. Do đó yêu cầu bồi thường của bà S không có cơ sở chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, thấy rằng cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B.

Về án phí phúc thẩm: do đương sự kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1.1 Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 907/QĐ-XPVPHC ngày 16/03/2018 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B về xử phạt vi phạm hành chính;

- Quyết định số 1096/QĐCC ngày 02/04/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B về Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Quyết định số 2295/QĐ-ĐCQĐ ngày 20/08/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S (lần đầu).

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, quận B phải chỉ đạo tháo dỡ, đập bỏ hàng rào bằng bê tông cốt thép xây dựng rào chắn khu đất thuộc một phần thửa 65, 70, 71, tờ bản đồ số 44 (TL2005) đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, quận B phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 308.118.000đ (Ba trăm lẻ tám triệu một trăm mười tám nghìn đồng).

1.2 Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà S được miễn án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bà S tự chịu, xác nhận bà S đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà Nguyễn Thị S được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Phụng